

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 3 - HÀ TĨNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 56/2026/HNGĐ-ST
Ngày: 11-02-2026
Về việc “Ly hôn, quyền trực tiếp nuôi con”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 3 - HÀ TĨNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Nữ Ngọc Diệp

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Trần Thị Thanh Tâm

Bà Hồ Hồng Hoa

- Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Bà Lê Thị Đức Vinh - Thư ký Toà án nhân dân khu vực 3 - Hà Tĩnh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 3 - Hà Tĩnh tham gia phiên tòa: Bà Võ Thị Linh - Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 02 năm 2026 tại Hội trường xét xử, Toà án nhân dân khu vực 3 - Hà Tĩnh xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số 155/2025/HNGĐ-ST ngày 08/12/2025 về việc “Ly hôn, quyền trực tiếp nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 18/2026/QĐXXST-HNGĐ ngày 15 tháng 01 năm 2026, quyết định hoãn phiên tòa số 23/2026/QĐST-HNGĐ ngày 30 tháng 01 năm 2026, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Trương Thị H, sinh ngày: 01/7/1995, số CCCD: 040195012293, nơi thường trú: Thôn X, xã N, tỉnh Hà Tĩnh, hiện đang làm việc tại C3; địa chỉ tổng đạt văn bản tố tụng: Căn hộ A, ô đất A, Khu đô thị N, phường Y, thành phố Hà Nội.

- Người đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn: Ông Trương Tấn D, ông Nguyễn Ngọc C, đều có địa chỉ: Thôn H, Hồ N, xã V, tỉnh Bắc Giang.

- Bị đơn: Anh Đậu Ngọc T, sinh ngày: 02/9/1994, số CCCD: 042094017998, địa chỉ: Thôn X, xã N, tỉnh Hà Tĩnh.

- Người tham gia tố tụng khác: Ông Trương Công D1, sinh năm: 1972, bà Lê Thị T1, sinh năm: 1976, địa chỉ: Xóm H, xã H, tỉnh Nghệ An.

(Các đương sự đều vắng mặt tại phiên tòa, có văn bản đề nghị xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo nội dung Đơn khởi kiện, Bản tự khai của nguyên đơn, ghi nhận ý kiến của bị đơn, cùng các tài liệu, chứng cứ có tại hồ sơ, vụ án có nội dung:

Về quan hệ hôn nhân: Sau thời gian tự do tìm hiểu, trên cơ sở tình yêu và tự nguyện, ngày 30/10/2015 chị Trương Thị H và anh Đậu Ngọc T đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã X, huyện N (nay là Ủy ban nhân dân xã N), tỉnh Hà Tĩnh, theo Sổ đăng ký số 50. Gia đình hai bên tổ chức lễ cưới theo phong tục địa phương. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hoà thuận, hạnh phúc tại thôn X, xã N, tỉnh Hà Tĩnh và có 01 con chung. Quá trình sống chung, do chị H đi làm việc ở nước ngoài nên vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, lối sống, không tin tưởng. Năm 2017, chị H, anh T ly thân và không còn liên lạc. Đến nay, tình trạng hôn nhân không thể dung hòa, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, chị Trương Thị H khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với anh Đậu Ngọc T.

Về con chung: Chị Trương Thị H và anh Đậu Ngọc T có 01 (một) con chung là Đậu Trương Phương C1, sinh ngày: 20/4/2016. Chị H, anh T đã thống nhất thoả thuận giao cho chị H quyền trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung đến khi con chung đủ 18 tuổi. Trong thời gian chị H không có mặt tại địa phương, tạm giao con chung cho ông Trương Công D1, bà Lê Thị T1 là cha, mẹ đẻ của chị H trực tiếp nuôi dưỡng. Về nghĩa vụ cấp dưỡng, tài sản chung, nợ chung: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại Bản tự khai, Biên bản lấy lời khai cùng ngày 25/12/2025 anh Đậu Ngọc T trình bày: Thống nhất về thời gian, địa điểm kết hôn, thời điểm, nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn, tình trạng vợ chồng hiện nay như nội dung đơn khởi kiện của chị Trương Thị H. Anh Tú khẳng định tình cảm vợ chồng không còn, đồng ý với yêu cầu ly hôn của chị H. Về con chung: Vợ chồng có 01 (một) con chung là Đậu Trương Phương C1, sinh ngày: 20/4/2016. Chị H có nguyện vọng được trực tiếp nuôi con, anh T đồng ý, không tranh chấp, trong thời gian chị H không có mặt tại địa phương tạm giao cho ông Trương Công D1, bà Lê Thị T1 là cha, mẹ đẻ của chị H trực tiếp nuôi dưỡng con chung. Về nghĩa vụ cấp dưỡng, tài sản chung, nợ chung, vợ chồng không yêu cầu Tòa án giải quyết. Anh Tú đề nghị được vắng mặt trong quá trình Tòa án giải quyết vụ án và không thay đổi ý kiến.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án tiến hành xác minh tình trạng hôn nhân, ghi nhận nội dung sự việc do người tham gia tố tụng khác – ông Trương Công D1, bà Lê Thị Thanh cung C2: Chị Trương Thị H là con gái của ông bà, hiện đang làm việc tại Cộng hòa Liên bang Đ. Chị H vẫn thường xuyên liên lạc về nhà qua điện thoại và nhận được thông báo thụ lý vụ án, các văn bản tố tụng của Tòa án. Về mâu thuẫn vợ chồng giữa chị H, anh T ông bà không biết nguyên nhân cụ thể. Ông bà đồng ý nuôi dưỡng cháu Đậu Trương Phương C1 trong thời gian chị H không có mặt tại địa phương, đề nghị được vắng mặt trong quá trình giải quyết vụ án và không có ý kiến khác.

Tại Biên bản xác minh ngày 19/12/2025, Công an xã N, tỉnh Hà Tĩnh xác nhận: Anh Đậu Ngọc T, sinh năm 1994, đăng ký thường trú tại thôn X, xã N, tỉnh Hà Tĩnh hiện nay có mặt tại địa phương, làm việc tại Công ty VISHIP tỉnh N.

Tại Biên bản xác minh ngày 19/12/2025 của Ủy ban nhân dân xã N có nội dung: Anh Đậu Ngọc T và chị Trương Thị Hải đăng K kết hôn hợp pháp tại Ủy ban

nhân dân xã X, huyện N (nay là Ủy ban nhân dân xã N), tỉnh Hà Tĩnh. Về mâu thuẫn vợ chồng và nguyên nhân chính quyền không nắm bắt được thông tin cũng như chưa hoà giải tranh chấp hôn nhân gia đình lần nào. Con chung không sinh sống tại địa phương, không có thông tin về hành ngược đãi, bạo hành con chung. Về yêu cầu của nguyên đơn, Ủy ban nhân dân xã N, tỉnh Hà Tĩnh đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa, nguyên đơn và bị đơn vắng mặt.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 3 - Hà Tĩnh sau khi nhận xét việc chấp hành pháp luật của thẩm phán, thư ký và các đương sự, phân tích nội dung vụ việc, đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng khoản 1 Điều 28, Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 1 Điều 227, khoản 1, 3 Điều 228, Điều 238, Điều 271, Điều 273, 479 Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 51, Điều 55, Điều 57, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân gia đình; điểm b khoản 1 Điều 3, khoản 1 Điều 6, điểm a khoản 1 Điều 24, Điều 26, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Đề nghị công nhận sự thuận tình ly hôn của chị Trương Thị H và anh Đậu Ngọc T. Ghi nhận sự tự nguyện của các đương sự, giao con chung Đậu Trương Phương C1, sinh ngày: 20/4/2016 cho chị Trương Thị H trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục đến khi con chung đủ 18 tuổi, trong thời gian chị H không có mặt tại địa phương tạm giao cho ông Trương Công D1, bà Lê Thị T1 là cha mẹ đẻ chị H chăm sóc con chung. Về nghĩa vụ cấp dưỡng, tài sản chung, nợ chung: Đương sự không yêu cầu nên miễn xét. Về án phí: Ghi nhận sự tự nguyện của nguyên đơn về việc chịu toàn bộ án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm số tiền 150.000đ (một trăm năm mươi nghìn đồng) theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Thủ tục tố tụng:

[1.1] Về thẩm quyền giải quyết: Tại Công văn số 1755/QLXC-Đ1 ngày 15/12/2025 của Phòng Quản lý xuất nhập cảnh Công an tỉnh H cung cấp thông tin: Chị Trương Thị H xuất cảnh lần gần đây nhất vào ngày 24/7/2017 qua Sân bay Quốc tế N, chưa có thông tin nhập cảnh trên hệ thống. Xác nhận thông tin về cư trú của Công an xã N, tỉnh Hà Tĩnh thể hiện anh Đậu Ngọc T đăng ký thường trú tại thôn X, xã N, tỉnh Hà Tĩnh. Căn cứ quy định tại khoản 14 Điều 3; khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình; khoản 1 Điều 28, Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2025 vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 3 - Hà Tĩnh.

[1.2] Về tổng đạt văn bản tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã thực hiện đầy đủ các biện pháp thu thập chứng cứ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Chị Trương Thị H hiện đang làm việc tại Cộng hòa Liên bang Đ gửi Đơn khởi kiện, Bản tự khai và các tài liệu có liên quan đã được hợp pháp hoá lãnh sự (Đ1 tại CHLB Đ) thông qua người đại diện theo uỷ quyền; anh Đậu Ngọc T đến làm việc

tại Toà án theo Giấy triệu tập và trình bày ý kiến liên quan đến nội dung vụ án. Do đó, Toà án thực hiện xác minh thông tin xuất cảnh của nguyên đơn, lấy ý kiến của người tham gia tố tụng khác, tổng đạt văn bản tố tụng để đương sự thực hiện quyền, nghĩa vụ theo quy định của pháp luật.

[1.3] Về sự vắng mặt của đương sự: Tại phiên tòa, nguyên đơn và bị đơn vắng mặt (nguyên đơn, bị đơn có văn bản đề nghị xét xử vắng mặt). Căn cứ quy định tại khoản 1, 3 Điều 228, Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn theo thủ tục chung.

[2] Nội dung:

[2.1] Quan hệ hôn nhân: Chị Trương Thị H và anh Đậu Ngọc T tự do tìm hiểu, tự nguyện kết hôn ngày 30/10/2015 tại Ủy ban nhân dân xã X, huyện N (nay là Ủy ban nhân dân xã N), tỉnh Hà Tĩnh, theo Sổ đăng ký số 50. Căn cứ quy định về điều kiện kết hôn tại các Điều 8, 9 Luật Hôn nhân và Gia đình thì hôn nhân của chị Trương Thị H và anh Đậu Ngọc T là hợp pháp.

[2.2] Xác định tình trạng hôn nhân: Chị Trương Thị H và anh Đậu Ngọc T phát sinh mâu thuẫn trong quá trình sống chung, trở nên trầm trọng dẫn đến ly thân từ năm 2017. Nguyên nhân do chị H đi lao động ở nước ngoài, bất đồng quan điểm, vợ chồng sống xa nhau không có thời gian hàn gắn mâu thuẫn, tình cảm dần phai nhạt, không còn sự quan tâm, chăm sóc. Anh Tú, chị H không mong muốn đoàn tụ và yêu cầu Toà án giải quyết ly hôn.

[2.3] Pháp luật về Hôn nhân và gia đình Việt Nam có chính sách và biện pháp bảo hộ hôn nhân và gia đình, tạo điều kiện để nam, nữ xác lập hôn nhân tự nguyện, vợ chồng bình đẳng; xây dựng gia đình ấm no, tiến bộ... nhưng hôn nhân của chị Trương Thị H và anh Đậu Ngọc T không còn hướng tới xây dựng gia đình hạnh phúc.

[2.4] Tại điểm a khoản 3 Điều 4 Nghị quyết số 01/2024/NQ-HĐTP ngày 16/5/2024 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao Hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật trong giải quyết vụ việc về Hôn nhân và Gia đình quy định: “*Hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được là thuộc một trong các trường hợp sau đây: a) Không có tình nghĩa vợ chồng, ví dụ: vợ, chồng không thương yêu, quý trọng, chăm sóc, giúp đỡ nhau; vợ, chồng sống ly thân, bỏ mặc vợ hoặc chồng*”.

[2.5] Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 quy định “*Vợ, chồng hoặc cả hai có quyền yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn*” (khoản 1 Điều 51); “*...Xét thấy hai bên thật sự tự nguyện ly hôn và đã thoả thuận về việc chia tài sản, việc trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con trên cơ sở bảo đảm quyền lợi chính đáng của vợ và con thì Tòa án công nhận thuận tình ly hôn...*” (Điều 55).

[2.6] Xét thấy, hiện nay, tình cảm vợ chồng giữa chị Trương Thị H và anh Đậu Ngọc T không còn. Vợ chồng sống ly thân, không yêu thương, quan tâm đến nhau, mâu thuẫn trầm trọng, không có khả năng đoàn tụ, không tranh chấp. Do đó, cứ quy định tại Điều 55 Luật Hôn nhân và Gia đình công nhận sự thuận tình ly hôn

của chị Trương Thị H và anh Đậu Ngọc T như quan điểm của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa là có cơ sở, đúng pháp luật.

[2.7] Quan hệ con chung: Chị Trương Thị H và anh Đậu Ngọc T có 01 (một) con chung là Đậu Trương Phương C1, sinh ngày: 20/4/2016. Anh Tú, chị H đã thống nhất thoả thuận giao quyền trực tiếp nuôi dưỡng con chung cho chị Trương Thị H. Xét thấy, sự thoả thuận của các đương sự là tự nguyện, không trái đạo đức và quy định của pháp luật, cháu Đậu Trương Phương C1 sống cùng chị H và ông bà ngoại (ông Trương Công D1, bà Lê Thị T1) từ nhỏ, có đơn nguyện vọng được sống cùng chị H; con phát triển toàn diện về thể chất và tinh thần, được học tập, vui chơi đầy đủ. Do đó, để đảm bảo sự ổn định về môi trường sống, học tập của con chung, giao cháu Đậu Trương Phương C1 cho chị H trực tiếp thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến khi con đủ 18 tuổi là phù hợp, đúng pháp luật. Trong thời gian chị H không có mặt tại địa phương tạm giao cho ông Trương Công D1, bà Lê Thị T1 nuôi dưỡng con chung. Trừ trường hợp phát sinh sự kiện pháp lý mới.

[2.8] Về nghĩa vụ cấp dưỡng: Các đương sự không yêu cầu Toà án giải quyết nên miễn xét.

[2.9] Về tài sản chung, nợ chung: Đương sự không yêu cầu Toà án giải quyết nên miễn xét.

Trong trường hợp phát sinh tranh chấp đương sự có quyền khởi kiện bằng một vụ án khác.

[3] Về án phí: Chị Trương Thị H tự nguyện nộp toàn bộ án phí Hôn nhân và gia đình theo quy định của pháp luật.

[4] Về quyền kháng cáo: Đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 2, khoản 1 Điều 28, Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 228, các Điều 235, 238, 266, điểm b khoản 2 Điều 464, điểm d khoản 1 Điều 469 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2025.

Áp dụng Điều 39 Bộ luật Dân sự; các Điều 19, 51, 56, 57, 58, 81, 82, 83, 123 Luật Hôn nhân gia đình:

1. Về quan hệ hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn của chị Trương Thị H, sinh ngày: 01/7/1995, số CCCD: 040195012293, nơi thường trú: Thôn X, xã N, tỉnh Hà Tĩnh, hiện đang làm việc tại CHLB Đ và anh Đậu Ngọc T, sinh ngày: 02/9/1994, số CCCD: 042094017998, địa chỉ: Thôn X, xã N, tỉnh Hà Tĩnh.

2. Về con chung: Ghi nhận sự thoả thuận của các đương sự, giao con chung Đậu Trương Phương C1, sinh ngày: 20/4/2016 cho chị Trương Thị H trực tiếp thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến khi con đủ 18 tuổi. Trong thời gian chị H vắng mặt tại địa phương tạm giao cho ông Trương Công D1, bà Lê Thị T1 (cha mẹ đẻ chị H) trực tiếp nuôi dưỡng con chung. Trừ trường hợp phát sinh sự kiện pháp lý mới.

Anh Đậu Ngọc T có quyền đi lại thăm non con chung không ai được cản trở.

3. Về nghĩa vụ cấp dưỡng, tài sản chung, nợ chung: Đương sự không yêu cầu nên miễn xét.

4. Về án phí: Áp dụng khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm b khoản 1 Điều 3, khoản 2 Điều 7, khoản 1 Điều 24, điểm a khoản 5 Điều 27 và mục A danh mục án phí ban hành kèm theo Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Buộc chị Trương Thị H phải nộp 150.000đ (một trăm năm mươi nghìn đồng) án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm. Chị H đã nộp 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí theo biên lai số 0000772 ngày 08/12/2025 tại Thi hành án dân sự tỉnh Hà Tĩnh, được hoàn trả số tiền 150.000đ (một trăm năm mươi nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí.

5. Về quyền kháng cáo: Áp dụng Điều 271, khoản 1 Điều 273, khoản 1, khoản 2 Điều 479 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2025: Nguyên đơn có quyền kháng cáo lên Tòa án cấp phúc thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được Bản án hoặc Bản án được niêm yết hợp lệ. Bị đơn có quyền kháng cáo lên Tòa án cấp phúc thẩm trong thời hạn 01 tháng kể từ ngày nhận được Bản án hoặc Bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Án xử công khai sơ thẩm, vắng mặt nguyên đơn và bị đơn.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Hà Tĩnh;
- VKSND KV3- Hà Tĩnh;
- THADS tỉnh Hà Tĩnh;
- Phòng THADS khu vực 3 – Hà Tĩnh;
- UBND xã Nghi Xuân;
- Công an xã Nghi Xuân;
- Đương sự;
- Lưu HS, TDS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Nữ Ngọc Diệp